PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiên bản 9.1
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/08/26
Ngày in 2026/08/28

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

1.1 Nhận dạng của sản phẩm

Tên sản phẩm : Acetic acid (glacial) 100% anhydrous for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

Số sản phẩm	:	1.00063
Số Danh Mục	:	100063
Nhãn hiệu	:	Millipore
Số CAS	:	64-19-7

1.2 Các nhận dạng khác của sản phẩm/hóa chất

chưa có dữ liệu

1.3 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo	:	Thuốc thử để phân tích, Sản xuất hóa chất

1.4 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty	:	Công ty TNHH Merck Việt Nam Tầng 21, Tòa nhà Ngôi nhà Đức số 33, đường Lê Duẩn, Phường Sài Gòn THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 740000 VIETNAM
Điện thoại	:	+84 28 3842 0100
Địa chỉ e-mail	:	technicalservice@merckgroup.com

1.5 Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp

Số Điện thoại Khẩn cấp	:	ĐT: +84 8 38420100/ + 84 8 38420117 * CHEMTREC +65 3163 8374

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Phân loại theo GHS

Chất lỏng dễ cháy	:	Cấp 3
Độc cấp tính (Đường miệng)	:	Cấp 5
Ăn mòn/kích ứng da	:	Cấp 1A

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt	:	Cấp 1

Các yếu tố nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :

Từ cảnh báo : Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm :

H226 Hơi và chất lỏng dễ cháy.
H303 Có thể có hại nếu nuốt phải.
H314 Gây bỏng da nghiêm trọng và hỏng mắt.

Các lưu ý phòng ngừa :

Biện pháp phòng ngừa:

P210 Để xa các nguồn nhiệt/tia lửa/lửa /các bề mặt nóng. - Không hút thuốc.
P233 Đóng chặt thùng chứa.
P240 Tiếp đất và kết nối tất cả các thùng chứa và thiết bị thu nhận.
P241 Sử dụng các thiết bị điện/ thông gió/ chiếu sáng/ chống cháy nổ.
P242 Sử dụng các dụng cụ không gây ra tia lửa điện.
P243 Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh điện.
P264 Rửa sạch da thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.
P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.

Biện pháp ứng phó:

P301 + P330 + P331 + P310 NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. KHÔNG ĐƯỢC gây nôn. Nhanh chóng gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC hoặc bác sỹ và xin tư vấn.
P303 + P361 + P353 NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi bỏ ngay tất cả các quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng nước.
P304 + P340 + P310 NẾU HÍT PHẢI: Di chuyển nạn nhân tới chỗ không khí thoáng mát và thoải mái để thở. Nhanh chóng gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC hoặc bác sỹ và xin tư vấn.
P305 + P351 + P338 + P310 NẾU BAY VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong một vài phút. Tháo bỏ kính áp tròng nếu có và dễ làm. Tiếp tục rửa. Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sỹ.
P312 Gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC/ bác sỹ nếu cảm thấy không khỏe.
P363 Giặt sạch quần áo đã nhiễm hóa chất trước khi tái sử dụng.
P370 + P378 Trong trường hợp cháy: Sử dụng cát, hóa chất khô hoặc bọt chịu cồn để dập tắt.

Lưu trữ:

P403 + P235 Lưu trữ ở nơi có sự thông thoáng tốt. Giữ sản phẩm ở nhiệt độ mát.
P405 Phải khóa cẩn thận khi lưu trữ.

Việc thải bỏ:

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Được biết là chưa xảy ra.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Đơn chất

Số CAS : 64-19-7

Thành phần

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
Acetic acid	64-19-7	>= 90 -<= 100

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Lời khuyên chung : Người sơ cứu cần tự bảo vệ mình.
Cho bác sĩ đang điều trị xem bảng dữ liệu an toàn này.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Sau khi hít phải: không khí sạch. Gọi bác sĩ.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Trong trường hợp tiếp xúc với da: Cởi bỏ tất cả các quần áo bị nhiễm độc ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm.
Gọi bác sĩ ngay lập tức.

Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Sau khi tiếp xúc với mắt: rửa sạch bằng nhiều nước.
Gọi bác sĩ nhãn khoa ngay lập tức.
Gỡ bỏ kính áp tròng.

Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Sau khi nốt phải: cho bệnh nhân ống nớc (tối đa hai cốc), tránh nôn mửa (n

Gọi bác sĩ ngay lập tức.
Không cố trung hòa.

Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này : Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất được mô tả trên nhãn (tham khảo Phần 2 Các yếu tố nhãn theo GHS) và/hoặc Phần 11.

Bảo vệ người sơ cứu : Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.

Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : chưa có dữ liệu

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy thích hợp : Nước
Bọt
Carbon diôxit (CO2)

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

		Bột khô
Các phương tiện chữa cháy không thích hợp	:	Đối với chất/hỗn hợp này, không có giới hạn tác nhân dập lửa nào được cung cấp.
Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy	:	dễ cháy
		Hỏa hoạn có thể gây ra sự biến đổi của:
		axit axetic khói
		Các hơi này nặng hơn không khí và có thể lan toả dọc theo sàn nhà.
		Tạo thành hỗn hợp dễ nổ khi không khí ở nhiệt độ tăng lên.
		Có thể phát sinh khí hoặc hơi dễ cháy nguy hiểm khi có lửa.
Các chất độc được sinh ra khi bị cháy	:	Carbon ôxit
Các phương pháp cứu hỏa cụ thể	:	Di chuyển bình chứa khỏi nơi nguy hiểm và làm mát bằng nước. Ngăn chặn việc nước chữa cháy gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt hoặc hệ thống nước ngầm.
Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa	:	Chỉ ở trong khu vực nguy hiểm khi có thiết bị hô hấp khép kín. T an toàn hoặc bằng cách mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố	:	Lời khuyên dành cho nhân viên trong trường hợp không khẩn cấp: Không được hít hơi, aerosol. Tránh tiếp xúc với hóa chất. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Để xa các nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy. Sơ tán khỏi khu vực nguy hiểm, quan sát quy trình ứng phó khẩn cấp, tham khảo ý kiến chuyên gia. Hướng dẫn đối với những nhân viên thuộc ban phản ứng khẩn cấp:

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

Sử dụng trang thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp như được quy định tại Mục 8.

Các cảnh báo về môi trường : Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.
Nguy cơ nổ.

Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố : Đậy cống. Thu thập, buộc và xả vết tràn.
Quan sát các hạn chế về chất có thể (xem các phần 7 và 10).
Giữ vai trò là chất hấp thụ chất lỏng và trung hòa (ví dụ: Chemizorb® H^+, Merck Art. No. 101595). Vứt bỏ đúng cách. Dọn sạch khu vực bị ảnh hưởng.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Tra cứu các biện pháp phòng ngừa trong phần Mục 2 Các yếu tố nhãn theo GHS

Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ : Để xa các ngọn lửa trần, các bề mặt nóng và các nguồn gây cháy.
Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh điện.

Các thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ : Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt.
Để xa các nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy.

Phân loại bảo quản : 3, Chất lỏng dễ cháy

Nhiệt độ lưu giữ đề nghị : Nhiệt độ lưu trữ được đề xuất nếu liên quan, xem nhãn sản phẩm.

Thêm thông tin về độ ổn định kho lưu trữ : Nhiệt độ lưu trữ được đề xuất nếu liên quan, xem nhãn sản phẩm.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
Acetic acid	64-19-7	TWA	25 mg/m3	VN OEL
		STEL	35 mg/m3	VN OEL
		TWA	10 ppm	ACGIH
		STEL	15 ppm	ACGIH

Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp : chưa có dữ liệu

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp : bắt buộc khi có hơi/thuốc xịt.
Các khuyến nghị của chúng tôi về lọc thiết bị bảo vệ hô hấp dựa trên các tiêu chuẩn sau: DIN EN 143, DIN 14387 và các tiêu chuẩn đi kèm khác liên quan đến hệ thống thiết bị bảo vệ hô hấp đã sử

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

dụng.

Loại bộ lọc đề xuất: : lọc hô hấp E-(P2)

Công ty phải đảm bảo rằng việc bảo trì, lau chùi và kiểm tra thi dẫn của nhà sản xuất.
Các phương pháp này phải được lập thành

Bảo vệ tay

Vật liệu	:	cao su butyl
Thời gian thấm	:	480 min
Độ dày của găng	:	0.7 mm
Chỉ số bảo vệ	:	tiếp xúc hoàn toàn
Nhà sản xuất	:	Butoject® (KCL 898)

Vật liệu	:	Găng tay latec
Thời gian thấm	:	30 min
Độ dày của găng	:	0.6 mm
Chỉ số bảo vệ	:	tiếp xúc một lượng nhỏ
Nhà sản xuất	:	Lapren® (KCL 706 / Aldrich Z677558, Cỡ M)

Ghi chú : Khuyến nghị này chỉ áp dụng cho sản phẩm được nêu trong bảng dữ liệu an toàn và do chúng tôi cung cấp cũng như cho mục đích do chúng tôi chỉ định. Khi hòa tan hoặc trộn với các chất khác và trong các điều kiện khác với các điều kiện nêu trong EN 16523-1, vui lòng liên hệ với nhà cung cấp găng tay được CE phê duyệt (ví dụ: KCL GmbH, D-36124 Eichenzell, Internet: www.kcl.de).

Bảo vệ mắt : Sử dụng thiết bị bảo vệ mắt được thử nghiệm và phê duyệt theo tiêu chuẩn phù hợp của chính phủ như NIOSH (Hoa Kỳ) hoặc EN 166(EU).
Kính bảo hộ vừa khít

Bảo vệ da và cơ thể : Quần áo bảo hộ chống tĩnh điện và chống cháy.

Các biện pháp vệ sinh : Thay ngay quần áo bẩn. Dùng biện pháp bảo vệ da. Rửa tay và mặt sau khi làm việc với hóa chất.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái : thể lỏng (20 °C , 1,013 hPa)

Màu sắc : không màu

Mùi đặc trưng : Gây nhức

Ngưỡng mùi : 0.2 ppm

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

Độ pH	:	2.5 (20 °C) Nồng độ: 50 g/l
Điểm/ khoảng nóng chảy	:	16.64 °C
Điểm sôi/khoảng sôi	:	117.9 °C (1,013.25 hPa)
Điểm cháy	:	39 °C (1,013 hPa) Phương pháp: cốc kín, cốc kín
Tỷ lệ hóa hơi	:	chưa có dữ liệu
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	:	chưa có dữ liệu
Tính dễ cháy (chất lỏng)	:	chưa có dữ liệu
Tốc độ cháy	:	chưa có dữ liệu
Tự bốc cháy	:	463 °C
Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy	:	Giới hạn trên của cháy nổ 19.9 %(V) (59.0 °C)
Giới hạn dưới của cháy nổ / Giới hạn dưới của sự bốc cháy	:	Giới hạn dưới của cháy nổ 4 %(V)
Áp suất hóa hơi	:	20.79 hPa (25 °C)
Tỷ trọng hơi tương đối	:	2.07
Tỷ trọng tương đối	:	chưa có dữ liệu
Mật độ	:	1.05 g/cm3 (20 °C)
Độ hòa tan Độ hòa tan trong nước	:	602.9 g/l hòa tan hoàn toàn (25 °C, 1,013 hPa) Độ pH: 7
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	:	log Pow: -0.17 (25 °C) Độ pH: 7 Phương pháp: (thử nghiệm) Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi. (ECHA)
Nhiệt độ tự bốc cháy	:	463 °C
Nhiệt độ phân hủy	:	Có thể chưng cất trong trạng thái chưa phân hủy ở áp suất thường.
Độ nhớt Độ nhớt, động lực	:	1.05 mPa.s (25 °C)

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

Độ nhớt, động học	:	1.17 mm2/s (20 °C)
Thời gian chảy	:	chưa có dữ liệu
Đặc tính cháy nổ	:	Không được phân loại là dễ nổ.
Đặc tính ôxy hóa	:	không
Sức căng bề mặt	:	28.8 mN/m, 10.0 °C
Chỉ số khúc xạ	:	1.37 (20 °C)
Trọng lượng phân tử	:	60.05 g/mol
Đặc điểm hạt Kích thước hạt	:	chưa có dữ liệu

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	:	Hỗn hợp hơi/không khí dễ nổ khi nhiệt độ tăng mạnh.
Tính ổn định	:	Sản phẩm ổn định về mặt hóa học trong điều kiện môi trường chuẩn (nhiệt độ phòng).
Phản ứng nguy hiểm	:	Rủi ro nổ với: hợp chất peroxi axit perchloric axit sulfuric bốc khói phosfor halogen hydro peroxide oxit crôm (VI) kali permanganat Peroxit Các chất oxy hóa mạnh Rủi ro bốc cháy hoặc tạo thành khí hoặc hơi dễ cháy với: Sắt kẽm magie Thép mềm Có thể tạo thành: Hydro Có thể phản ứng mạnh với: kiềm mạnh Andehyt hydroxit kiềm halides phi kim etanolamine Acetaldehyde Cồn hợp chất halogen-halogen axit chlorosulfonic axit chromosulfuric Kali hydroxide

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

		Axit nitric
Các điều kiện cần tránh	:	Đun nóng.
Vật liệu không tương thích	:	chưa có dữ liệu
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	:	Đối với các sản phẩm cháy nguy hại trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn: xem Mục 5.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

Độc cấp tính
LD50 Đường miệng - Chuột - 3,310 mg/kg
Ghi chú: (RTECS)
LC50 Hít phải - Chuột nhắt - 4 h - 2,819 mg/l - hơi

Ghi chú: (RTECS)
Da: chưa có dữ liệu

Ăn mòn/kích ứng da
Da - Thỏ
Kết quả: Gây bỏng. - 4 h
(Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404)
Ghi chú: Được phân loại theo Quy định (EU) 1272/2008, Phụ lục VI (Bảng 3.1/3.2)

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt
Mắt - Thỏ
Kết quả: Gây bỏng. - 4 h
(Hướng dẫn xét nghiệm OECD 405)
Ghi chú: IUCLID)
Ghi chú: Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

Kích thích hô hấp hoặc da
chưa có dữ liệu

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)
Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm Ames
Hệ thống thử nghiệm: Salmonella typhimurium
Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hoá trao đổi chất
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471
Kết quả: Âm tính
Loại kiểm nghiệm: Chất gây đột biến (kiểm tra tế bào động vật có vú): đột biến thể nhiễm sắc.
Hệ thống thử nghiệm: các tế bào trứng của chuột đồng Trung quốc
Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hoá trao đổi chất
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 473
Kết quả: Âm tính

Loại kiểm nghiệm: Kiểm tra vi hạt nhân
Loài: Chuột
Loại tế bào: Tủy xương
Lộ trình ứng dụng: Hô hấp (hơi nước)
Phương pháp: Khả năng gây đột biến (xét nghiệm tiểu nhân)
Kết quả: Âm tính

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

Tác nhân gây ung thư
chưa có dữ liệu

Độc tính sinh sản
chưa có dữ liệu

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn
chưa có dữ liệu

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại
chưa có dữ liệu

Nguy hại hô hấp
chưa có dữ liệu

11.2 thông tin thêm

Vật liệu phá hủy mạnh mô màng nhầy và đường hô hấp trên, mắt và da., co thắt, viêm và phù thanh quản, co thắt, viêm và phù phế quản, Viêm phổi, phù phổi, cảm giác nóng rát, Ho, thở khò khè, viêm thanh quản, Khó thở, Đau đầu, Buồn nôn, Nôn mửa, Nuốt phải hoặc hít phải axit acetic đậm đặc gây tổn thương cho các mô đường hô hấp và tiêu hóa. Các triệu chứng bao gồm: thổ huyết, tiêu chảy ra máu, phù và/hoặc thủng thực quản và môn vị, viêm tụy, huyết niệu, khó tiểu, nhiễm trùng đường tiểu, tiểu ra albumin, tiêu huyết, co giật, viêm phế quản, phù phổi, viêm phổi, trụy tim mạch, sốc, và tử vong. Da hoặc mắt tiếp xúc trực tiếp hoặc tiếp xúc với hơi ở nồng độ cao có thể gây ra: ban đỏ, mụn nước, phá hủy mô với khả năng chữa lành chậm, đen da, tăng sừng, nứt nẻ, viêm loét giác mạc, mờ đục, viêm mống mắt, viêm kết mạc, và có thể mù lòa.
Theo hiểu biết tốt nhất của chúng tôi, các đặc tính hóa học, vật lý, và độc tính chưa được nghiên cứu kỹ.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc môi trường

Thành phần:

Acetic acid:

Độc đối với cá	:	LC50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng): > 1,000 mg/l Điểm kết thúc: tử vong Thời gian phơi nhiễm: 96 h Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm bán tĩnh Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203 GLP: có
Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác	:	EC50 (Daphnia magna (Bọ nước): > 1,000 mg/l Điểm kết thúc: Cố định Thời gian phơi nhiễm: 48 h Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh Giám sát phân tích: có Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202 GLP: có
Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước	:	EC50 (Skeletonema costatum): > 1,000 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 72 h Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

Phương pháp: ISO 10253
GLP: có

Độc tính đối với các vi sinh vật : EC5 (Pseudomonas putida (Vi khuẩn Pseudomonas putida)): 2,850 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 16 h
Ghi chú: trung tính
(nồng độ chất độc tối đa được phép)
(Lít)

EC50 (Photobacterium phosphoreum (Vi khuẩn phát huỳnh quang)): 11 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 15 min
Loại kiểm nghiệm: kiểm tra độc tố
Ghi chú: IUCLID)

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Thành phần:

Acetic acid:

Tính phân hủy sinh học : Kết quả: Dễ phân huỷ sinh học.
Phân hủy sinh học: 99 %
Thời gian phơi nhiễm: 30 d
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 301D
Ghi chú: (HSDB)

Kết quả: Dễ bị tách khỏi nước
Phân hủy sinh học: 95 %
Thời gian phơi nhiễm: 5 d
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 302B

Nhu cầu Oxy Sinh hoá (BOD) : 880 mg/g
Thời gian ủ bệnh: 5 d
Ghi chú: (Lít)

BOD/ThOD : 76 %
Ghi chú: IUCLID)

Khả năng tích lũy sinh học

Thành phần:

Acetic acid:

Hệ số phân tán: n-octanol/nước : log Pow: -0.17 (25 °C)
Độ pH: 7
Phương pháp: (thử nghiệm)
Ghi chú: Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi.
(ECHA)

Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

Các tác hại khác

Sản phẩm:

Các thông tin sinh thái khác : Hiệu ứng sinh học:

Tác dụng có hại do thay đổi pH.
Ăn mòn ngay cả ở dạng pha loãng.

Cần tránh thải loại vào môi trường.

Thành phần:

Acetic acid:

Kết quả đánh giá PBT và vPvB : Chất không đáp ứng các tiêu chí về PBT hặc vPvB theo Quy định (EC) số 1907/2006, Annex XIII.

Đặc tính phá vỡ nội tiết

chưa có dữ liệu

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn : Rác thải phải được vứt bỏ theo các quy định của địa phương và nhà nước. Để nguyên hóa chất trong hộp đựng ban đầu. Không để lẫn với rác thải khá c. Xử lý các hộp đựng bẩn giống như xử lý sản phẩm.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

IATA-DGR

Số UN/ID	:	UN 2789
Tên vận chuyển thích hợp	:	Acetic acid, glacial
Hạng	:	8
Nhóm phụ số	:	3
Nhóm hàng	:	II
Nhãn	:	Class 8 - Corrosive substances, Class 3 - Flammable liquids
Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa máy bay)	:	855
Hướng dẫn đóng gói (hành khách máy bay)	:	851

Mã IMDG

Số hiệu UN	:	UN 2789
Tên vận chuyển thích hợp	:	ACETIC ACID, GLACIAL
Hạng	:	8
Nhóm phụ số	:	3
Nhóm hàng	:	II
Nhãn	:	8 (3)

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

Mã EmS	:	F-E, S-C
Chất ô nhiễm đại dương	:	không

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC

Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Phân loại vận chuyển được nêu ở đây chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và chỉ phụ thuộc vào thành phần của nguyên liệu chưa đóng gói như được mô tả trong Phiếu An Toàn Hóa Chất. Phân loại vận chuyển có thể thay đổi tùy theo phương tiện vận chuyển, kích thước bao bì và nhiều yếu tố khác theo quy định của vùng hoặc quốc gia.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật an toàn, sức khỏe và môi trường theo:
- Luật Hóa chất số 69/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;
- Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 1 năm 2026 của Chính phủ quy định các Danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất;
- Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 1 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;
- Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 1 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;
- Nghị định số 28/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 1 năm 2026 của Chính phủy quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất;
- Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 1 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;
- Thông tư số 02/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 1 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và Nghị định số 25/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;
- Hóa chất phải lập phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt và xây dựng phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt (nếu có);
- Và các quy định của pháp luật có liên quan.

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Những thay đổi liên quan kể từ phiên bản trước

1. Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất	:	2026/08/26
Phiên bản	:	9.1
Ngày in	:	2026/08/28

Thông tin khác

Các thông tin khác	:	Các thông tin trên được cho là chính xác nhưng không có nghĩa là bao gồm tất cả và chỉ được sử dụng như một hướng dẫn. Thông tin

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

trong tài liệu này dựa trên hiểu biết hiện tại chúng tôi và được áp dụng cho sản phẩm về các biện pháp phòng ngừa an toàn thích hợp. Thông tin này không phải là bảo đảm cho các đặc tính của sản phẩm. Sigma-Aldrich Corporation và các Chi nhánh sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào do quá trình xử lý hoặc do tiếp xúc với sản phẩm trên. Xem www.sigma-aldrich.com và/hoặc mặt sau của hóa đơn hoặc phiếu giao hàng để biết thêm các điều khoản và điều kiện bán hàng.
Bản quyền 2025 của Sigma-Aldrich Co. LLC. Giấy phép được cấp để tạo nhiều bản sao bằng giấy cho mục đích sử dụng nội bộ.

Đầu mối	:	Soạn thảo bởi: Merck KGaA LS-QR-H Địa chỉ/Số điện thoại: 64271 Darmstadt Germany/+49 6151 72-0
Định dạng ngày tháng	:	năm/tháng/ngày

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

ACGIH	:	Giá trị giới hạn ngưỡng (TLV) USA. ACGIH
VN OEL	:	Quyết định cũa bộ trưởng bộ y té - Hoá chất - giớ hạn cho phép trong không khí vùng làm việc
ACGIH / TWA	:	8 giờ, trung bình tính theo thời gian
ACGIH / STEL	:	giới hạn tiếp xúc trong thời gian ngắn
VN OEL / TWA	:	Trung bình về thời gian
VN OEL / STEL	:	Từng lần tối đa

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hài hòa Toàn cầu; GLP -Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); LSPN - Danh sách các chất nguy hại được thông báo (Chile); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; MERCOSUR - Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

VN / VI

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada